

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 48 /2026/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 05 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
(được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 87/2025/QH15);

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của
Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch (được sửa đổi, bổ sung
một số điều tại Nghị định số 124/2011/NĐ-CP)

Căn cứ Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2019 của
Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của
Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02
cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của
Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực quản lý nhà nước
của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ
trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11
tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Bộ
trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn;

Căn cứ Thông tư 23/2022/TT-BNN&PTNT ngày 29 tháng 12 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện bảo
đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ
Xây dựng ban hành QCVN 07:2023/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ
thống công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ
trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra,
giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;



Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 5433/TTr-SXD ngày 30 tháng 6 năm 2026.

UBND tỉnh ban hành Quyết định Quy định quản lý hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng, Giám đốc các sở, ban, ngành, cơ quan cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Xây dựng (để b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Nghệ An;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Báo và PT, TH Nghệ An;
- Công TTĐT tỉnh;
- Phòng CN;
- Lưu: VT, CN(N.A.Tuấn).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Phú Hiền

QUY ĐỊNH

**Quản lý hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch
trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 48 /2026/QĐ-UBND
ngày 05 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định nhiệm vụ quản lý hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến việc sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 2. Trách nhiệm của các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh

1. Sở Xây dựng

Là cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp nước đô thị và các khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, bao gồm:

a) Thực hiện nhiệm vụ là cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo cấp nước an toàn, chống thất thoát, thất thu nước sạch của tỉnh (sau đây gọi là Ban Chỉ đạo);

b) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước khi công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên mà trong đó có phạm vi địa bàn xã đã được cấp thẩm quyền công nhận xếp loại đô thị (bao gồm cả khu vực đô thị và khu vực nông thôn);

c) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lựa chọn đơn vị cấp nước đối với công trình cấp nước có phạm vi cấp nước trên địa giới hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên mà trong đó có phạm vi địa bàn xã đã

được cấp thẩm quyền công nhận xếp loại đô thị (bao gồm cả khu vực đô thị và khu vực nông thôn);

d) Là đầu mối tổng hợp nhu cầu đầu tư xây dựng công trình cấp nước đô thị trên địa bàn toàn tỉnh;

đ) Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, phát hiện kịp thời, xử lý các hành vi xâm phạm công trình cấp nước;

e) Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình quản lý cấp nước trên địa bàn tỉnh;

g) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý tài sản hạ tầng nước sạch đô thị được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách;

h) Tổ chức thực hiện các chỉ đạo về đảm bảo an toàn cấp nước, cung cấp đủ lượng nước, áp lực nước và bảo đảm chất lượng nước sinh hoạt theo Thông tư số 08/2012/TT-BXD ngày 21 tháng 11 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Là cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên nước, cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh, bao gồm:

a) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước khi công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên khu vực nông thôn;

b) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lựa chọn đơn vị cấp nước đối với công trình cấp nước nông thôn có phạm vi cấp nước trên địa giới hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên khu vực nông thôn;

c) Là đầu mối tổng hợp nhu cầu đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh;

d) Tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về cấp nước sạch nông thôn; phát hiện, ngăn chặn, xử lý theo thẩm quyền và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật về cấp nước sạch nông thôn; kiến nghị các biện pháp bảo đảm thi hành pháp luật về cấp nước sạch nông thôn;

đ) Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với các đơn vị cấp nước sạch tại khu vực nông thôn xây dựng, phê duyệt và triển khai thực hiện Kế hoạch cấp nước an toàn khu vực nông thôn cấp tỉnh theo quy định tại Thông tư số 23/2022/TT-BNN&PTNT ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện bảo đảm cấp nước an toàn khu vực nông thôn. Tiến hành tổ chức triển khai công tác kiểm tra, giám

sát, đánh giá chất lượng, tiến độ, hiệu quả cũng như tổng kết việc thực hiện kế hoạch đối với khu vực nông thôn;

e) Thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với các hệ thống, công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn và chất lượng nguồn nước thô cho toàn bộ các nhà máy nước trên địa bàn tỉnh;

g) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan trong công tác quản lý, giám sát chất lượng, nguồn nước và vệ sinh môi trường vùng thượng nguồn các công trình cấp nước sạch; lập phương án khắc phục xử lý các sự cố, các vi phạm gây ô nhiễm nước sạch;

h) Thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với tài nguyên nước theo quy định hiện hành;

i) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về quản lý tài sản hạ tầng nước sạch nông thôn được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách;

k) Tổ chức kiểm tra các nội dung về nước thô đối với các đơn vị cấp nước trên địa bàn tỉnh, bao gồm:

- Kiểm tra sản lượng nước thô cung cấp cho các nhà máy sản xuất nước sạch: tối thiểu 01 năm/lần;

- Kiểm tra định kỳ chất lượng nguồn nước thô theo quy chuẩn kỹ thuật hiện hành: tối thiểu 01 năm/lần tại vị trí lấy nước thô của nhà máy; kiểm tra đột xuất khi có thông tin, phản ánh của tổ chức, cá nhân về sự cố liên quan đến chất lượng nước thô hoặc khi có sự cố môi trường có thể ảnh hưởng đến nguồn nước;

- Kiểm tra Giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo thời gian đã được cấp phép;

- Kiểm tra năng lực dự phòng, hồ chứa lắng, bể dự trữ, phương án cấp nước khẩn cấp nếu nguồn nước thô bị sự cố: 01 năm/lần;

- Kiểm tra phương án ứng phó sự cố ô nhiễm nguồn nước (tràn dầu, hóa chất, sạt lở đất, lũ lụt...): 01 năm/lần;

Quy trình kiểm tra, kiểm soát và ứng phó trong trường hợp công trình cấp nước tập trung gặp sự cố thực hiện theo Điều 12 Thông tư số 23/2022/TT-BNN&PTNT và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Căn cứ kết quả kiểm tra yêu cầu đơn vị cấp nước đánh giá nguyên nhân (nếu có) về các nội dung không đảm bảo và đề xuất biện pháp khắc phục. Đồng thời báo cáo kết quả về Sở Xây dựng (cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Tài chính

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí cho hoạt động quản lý nước sạch trên địa bàn;

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện ký thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước, phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước khi công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm trên địa giới hành chính của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên theo quy định hiện hành;

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức lựa chọn đơn vị cấp nước;

d) Thực hiện các nhiệm vụ giao về quản lý hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

4. Sở Y tế

a) Tổ chức thực hiện các thông tư, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quyết định của ngành y tế về chất lượng nước sạch sinh hoạt. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chuẩn địa phương về thông số và giới hạn kiểm soát để đánh giá chất lượng nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo quy định;

b) Chủ trì tổ chức thực hiện quản lý, giám sát, kiểm tra chất lượng nước sạch sinh hoạt (kiểm tra định kỳ và đột xuất) của các đơn vị cấp nước đảm bảo tuân thủ Thông tư số 52/2024/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt và các quy chuẩn, tiêu chuẩn về chất lượng nước sạch theo quy định; Quy trình kiểm tra, Biên bản kiểm tra được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 52/2024/TT-BYT và quy định pháp luật khác có liên quan;

Căn cứ kết quả kiểm tra yêu cầu đơn vị cấp nước đánh giá nguyên nhân (nếu có) về các nội dung không đảm bảo và đề xuất biện pháp khắc phục. Đồng thời báo cáo kết quả về Sở Xây dựng (cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo đề tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh).

5. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh mục các đề xuất chương trình, đề tài nghiên cứu, dự án thí điểm ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong lĩnh vực cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch;

b) Chủ trì hướng dẫn và tổ chức khai thác, ứng dụng, tuyên truyền đổi mới công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tìm kiếm, công nghệ, nhập khẩu công nghệ, khai thác sáng chế, giải mã và làm chủ công nghệ trong lĩnh vực cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch;

c) Chủ trì thẩm định hoặc cho ý kiến về công nghệ đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch;

d) Chủ trì hướng dẫn, quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ trên địa bàn trong lĩnh vực cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch;

đ) Chủ trì tổ chức thực hiện việc kiểm tra về đo lường đối với phương tiện đo, phép đo, hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm; việc thử nghiệm phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước về chất lượng trong lĩnh vực cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch;

e) Phối hợp thực hiện hợp tác quốc tế về khoa học công nghệ trong lĩnh vực cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh và của cơ quan cấp trên;

g) Phối hợp với các sở, ngành và đơn vị có liên quan trong việc xây dựng kế hoạch cấp nước an toàn; kiểm tra phát hiện và khắc phục sự cố, xử lý (theo thẩm quyền) các hành vi vi phạm trong lĩnh vực cấp nước an toàn và chống thất thoát, thất thu nước sạch thuộc các hệ thống cấp nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

6. Công an tỉnh

a) Phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan, chính quyền địa phương kiểm tra, xử lý các hành vi gây ô nhiễm môi trường và ô nhiễm nguồn nước, hành vi vi phạm pháp luật khác trong hoạt động sản xuất, cung cấp, tiêu thụ nước sạch nhằm bảo vệ nguồn nước, chống thất thoát, thất thu nước sạch;

b) Tăng cường công tác nắm tình hình, chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật về hoạt động cấp nước trên địa bàn tỉnh.

7. Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam

a) Chủ động theo dõi và phối hợp với các đơn vị liên quan trong việc cung cấp nước sạch bảo đảm cấp nước an toàn cho hoạt động của các doanh nghiệp trong khu kinh tế và các khu công nghiệp do Ban Quản lý Khu kinh tế Đông Nam quản lý;

b) Báo cáo các nội dung liên quan về quản lý cấp nước trong phạm vi Khu kinh tế gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường

1. Thực hiện ký thỏa thuận dịch vụ cấp nước và phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước an toàn với đơn vị cấp nước khi công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm hoàn toàn trong phạm vi địa giới hành chính của xã.

2. Tổ chức lựa chọn đơn vị cấp nước đối với công trình cấp nước có phạm vi cấp nước nằm hoàn toàn trong phạm vi địa giới hành chính của xã.

3. Tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn trên địa bàn quản lý, bảo đảm các dịch vụ cấp nước đầy đủ, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của cộng đồng và đề xuất các biện pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt trên địa bàn, kịp thời báo cáo Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo đối với nội dung vượt thẩm quyền.

4. Phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất tình hình thực hiện các quy định về bảo đảm cấp nước an toàn trên địa bàn quản lý theo các quy định của pháp luật hiện hành; Chỉ đạo việc khắc phục, xử lý kịp thời các sự cố, các vi phạm gây ô nhiễm nguồn nước tại vị trí thu nước của công trình cấp nước và các công trình thuộc hệ thống cấp nước trong phạm vi thẩm quyền giải quyết, kịp thời báo cáo Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo đối với nội dung vượt thẩm quyền.

5. Phối hợp với các đơn vị cấp nước sạch và các cơ quan liên quan trên địa bàn xác định ranh giới phạm vi của vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa sau khi được phê duyệt, công bố.

6. Tổ chức tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức của người dân tại địa phương mình quản lý về bảo vệ nguồn nước, sử dụng nước sạch tiết kiệm và an toàn.

7. Phối hợp các đơn vị cấp nước để lập danh sách các hợp đồng cấp nước cung cấp cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn để phục vụ công tác kiểm tra, thống kê số liệu về cấp nước sạch.

8. Chủ trì tiếp nhận thông tin, phản ánh của người dân, đơn vị sử dụng nước sạch trên địa bàn, trực tiếp xử lý trả lời theo thẩm quyền, tổng hợp báo cáo các sở ngành liên quan.

Điều 4. Trách nhiệm của các đơn vị cấp nước

1. Đầu tư, nâng cấp, cải tạo, sửa chữa, bảo trì nhà máy nước, công trình, thiết bị, hệ thống đường ống cấp nước, lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thô... để bảo đảm sản xuất nước sạch chất lượng, an toàn, bền vững, liên tục, tiết kiệm theo các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành đáp ứng nhu cầu sử dụng của các tổ chức, cá nhân.

2. Tổ chức lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch phát triển cấp nước hàng năm và dài hạn trong vùng phục vụ theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 08/2012/TT-BXD và các quy định pháp luật khác có liên quan; Lập bộ phận cấp nước an toàn, chống thất thoát, thất thu nước sạch của đơn vị để xây dựng và thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn, chống thất thoát, thất thu nước sạch; Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn và chương trình chống thất thoát, thất thu nước sạch theo đúng lộ trình và nhiệm vụ đã được phê duyệt, thường xuyên kiểm tra, đánh giá, báo cáo công tác triển khai kế hoạch cấp nước an toàn và chương trình chống thất thoát, thất thu nước sạch; Đề xuất

các giải pháp triển khai kế hoạch cấp nước an toàn và chương trình chống thất thoát, thất thu nước sạch hiệu quả nhất; Định kỳ hàng năm (hoặc đột xuất) cập nhật, rà soát và điều chỉnh Kế hoạch cấp nước an toàn phù hợp với tình hình thực tế và thực hiện có hiệu quả mục tiêu đảm bảo cấp nước an toàn, ổn định, bền vững.

3. Phối hợp với các cơ quan liên quan đánh giá các tác động ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước, đề xuất các biện pháp quản lý các nguồn ô nhiễm nhằm bảo vệ và duy trì chất lượng nguồn nước. Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước và đơn vị liên quan trong công tác kiểm tra chất lượng, sản lượng nước thô, nước sạch...; Thực hiện nội kiểm chất lượng nước sạch (tần suất, thông số thử nghiệm, vị trí lấy mẫu và số lượng mẫu...) đảm bảo tuân thủ Thông tư số 52/2024/TT-BYT và các quy chuẩn, tiêu chuẩn về chất lượng nước sạch theo quy định; Báo cáo kết quả thử nghiệm chất lượng nước sạch hàng quý và cả năm về các Trung tâm y tế, Trung tâm Kiểm soát bệnh tật cấp tỉnh theo quy định tại điểm g khoản 7 Điều 6 Thông tư số 52/2024/TT-BYT; Công khai kết quả nội kiểm nước sạch theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Thông tư số 52/2024/TT-BYT.

4. Thực hiện công tác ký kết thỏa thuận thực hiện dịch vụ cấp nước với Ủy ban nhân dân các cấp theo quy định. Xây dựng và công khai quy trình, thủ tục cấp nước sạch của đơn vị cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng nước sạch đảm bảo rõ ràng, thuận lợi đúng quy định để đầu nối, cấp nước nhanh chóng, kịp thời. Lập danh sách các hợp đồng cấp nước của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn trong phạm vi cấp nước của đơn vị, báo cáo Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan quản lý nhà nước về cấp nước để phục vụ công tác kiểm tra, thống kê số liệu về cấp nước sạch (tỷ lệ người dùng nước sạch, tỷ lệ hệ thống cấp nước đã bao phủ trên địa bàn phường, xã, Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An...) định kỳ trước ngày 10 tháng 12 hằng năm và đột xuất khi có yêu cầu.

5. Đề xuất lựa chọn các nguồn nước khai thác lâu dài, dự phòng và công nghệ xử lý phù hợp theo từng giai đoạn nhằm bảo đảm cung cấp dịch vụ cấp nước đạt chất lượng và hiệu quả; Có phương án khai thác nguồn nước khác để thay thế trong trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt đang khai thác; Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan xác định ranh giới phạm vi của vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình trên thực địa sau khi được phê duyệt và công bố; Xác định ranh giới, lắp đặt biển báo, tổ chức bảo vệ an toàn khu vực thu nước, hệ thống cấp nước; phát hiện và ngăn chặn kịp thời, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi xâm phạm, gây mất an toàn cho hoạt động cấp nước trên địa bàn do mình quản lý; Bảo vệ nguồn nước đang khai thác, sử dụng, theo dõi, giám sát các hoạt động



trong vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình. Kịp thời xử lý sự cố, khôi phục và cung cấp nước sạch ổn định cho khách hàng, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố, Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo trong vòng 01 ngày kể từ khi có sự cố; Tham gia tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ nguồn nước, sử dụng nước sạch tiết kiệm và an toàn.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng các văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, địa phương và các đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn vướng mắc hoặc chưa phù hợp, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bổ sung, sửa đổi phù hợp. /.